

TRI THỨC ĐỊA PHƯƠNG TỘC NGƯỜI TÁC ĐỘNG ĐẾN DS- KHHGD CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

ĐẶNG THỊ HOA

Hiện nay, nhiều chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình đã được ban hành đã có những tác động tích cực đến sự hạn chế gia tăng dân số và bước đầu đã nâng cao được chất lượng dân số. Tuy nhiên, ở vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, việc thực hiện các chính sách đó ở nhiều nơi chưa đạt được kết quả như mong muốn. Chính vì vậy, việc tìm hiểu, nghiên cứu các tri thức địa phương tộc người tác động đến công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình ở từng dân tộc là cần thiết. Nhằm khuyến khích đồng bào phát huy những yếu tố tích cực trong phong tục, tập quán và góp phần vào việc triển khai các chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình tại các địa phương đạt hiệu quả cao hơn.

Đồng bào các dân tộc thiểu số nói chung sống gắn bó và phụ thuộc khá nhiều vào tự nhiên. Qua quá trình sinh sống mỗi cộng đồng tộc người đã tích lũy được những tri thức dân gian và biểu hiện rõ tính cách của mỗi dân tộc. Xuất phát từ những quan niệm về vũ trụ, trời đất, con người mà đưa đến cho đồng bào những cách giải thích khác nhau về những hiện tượng xảy ra trong cuộc sống. Cũng từ quan niệm đó đã hạn chế cách nhìn nhận của đồng bào khi đưa những tiến bộ khoa học, kỹ thuật về áp dụng ở cơ sở. Chính sách Dân số - kế hoạch hoá gia đình được triển khai ở vùng đồng bào các dân tộc thì ít nhiều ở một số dân tộc đã có những phản ứng nhất định trong việc thực hiện đẻ ít con, sử dụng các biện pháp tránh thai, ... vì những điều này phần nào không phù hợp với quan niệm của đồng bào. Yếu tố tâm lý tộc người có ý nghĩa quan trọng, trong chừng mực nhất định nó có tính quyết định đến kết quả của việc thực hiện các chính sách tại địa phương.

Nhìn chung, đồng bào các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc đều muốn sinh nhiều con. Trước hết đó là tâm lý để *dự phòng*, ngừa sự *hữu sinh vô dưỡng*; sau là cần có thêm lực lượng "cơ bắp" cho sản xuất nông nghiệp của các gia đình. Ở nhiều dân tộc, quan niệm con trai là người nối dõi tông đường, là chỗ dựa chính của gia đình, dòng họ nên nhất thiết phải sinh được con trai. Mặt khác, việc nạo phá thai theo quan niệm của đồng bào là vi phạm đạo đức, làm trái với quy luật tự nhiên. Chính vì vậy, cho đến nay số lần sinh của phụ nữ các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc còn rất cao. Tỷ lệ trẻ em sinh ra so với số nữ trong độ tuổi sinh đẻ của người Hmông ở Pà Cò, huyện Mai Châu, Hoà Bình là 231% (1989), người Mường ở Mường Tuồng, Đà Bắc, Hoà Bình là 213,3% (1989); người La Hủ ở Mường Tè, Lai Châu là 207,2% (1992),...⁽¹⁾, và mức sinh 4,2 con trung bình của miền núi và trung du Bắc Bộ gấp hơn hai lần so với số con trung bình của cả nước. Bên cạnh đó, do các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn đang còn nhiều hạn chế, vấn đề chăm sóc sức khoẻ cộng đồng cũng như chăm sóc trẻ em trước tuổi đến trường chưa được chú ý đúng mức, còn phụ thuộc nhiều vào thói quen "trời sinh voi, trời sinh cỏ" và những hủ tục trong tập quán lạc hậu đã dẫn đến tỷ lệ trẻ em chết yểu khu vực miền núi phía Bắc là cao nhất trong cả nước⁽²⁾.

⁽¹⁾ Khổng Diên. *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*. Nxb KHXH. H.1995.tr.237.

⁽²⁾ Khổng Diên, Sdd, tr.251.

Đối với việc chăm sóc sức khoẻ thì một trong những tập quán tác động nhiều nhất là tập quán ăn uống. Mỗi dân tộc có một thói quen ăn uống theo cách riêng của mình cũng là cách biểu hiện đặc trưng văn hoá tộc người. Tập quán sử dụng các cây thuốc trong tự nhiên cũng khá phổ biến ở các dân tộc thiểu số. Ở mỗi dân tộc có cách chữa bệnh theo quan niệm riêng nhưng đều phải sử dụng cây thuốc kết hợp với những thuật như cúng ma, phù phép, dùng bùa ngải,... Điều đáng chú ý là đồng bào các dân tộc thiểu số rất coi trọng vai trò của thầy cúng, thầy thuốc trong cộng đồng. Người dân địa phương thường rất tin tưởng và làm theo những điều chỉ dẫn của thầy cúng, thầy thuốc một cách tự nguyện.

Trong công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình, sự tác động của tri thức địa phương ở từng dân tộc có những nét khác nhau, do vậy chúng ta cần phải tìm hiểu cụ thể ở mỗi dân tộc với những phong tục, tập quán khác nhau và qua đó thể hiện đặc thù riêng của từng dân tộc. Trong bài viết này, chúng tôi trình bày tri thức địa phương tác động đến công tác dân số KHHGD một số dân tộc ở vùng cao, vùng giữa và vùng thấp miền núi phía Bắc.

1. Dân tộc Hmông

Hiện nay, việc triển khai thực hiện công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình ở vùng người Hmông đang gặp không ít khó khăn. Đó cũng là những vướng mắc của ngành y tế tuyến cơ sở vùng cao. Đồng bào Hmông thường cư trú trên các núi cao, địa bàn cư trú rải rác nên những chiến dịch truyền thông dân số, các đợt khám chữa bệnh của ngành y tế gặp không ít khó khăn khi phải đến từng hộ gia đình. Không chỉ vậy, trong phong tục tập quán của người Hmông còn có rất nhiều ràng buộc mà các thành viên trong cộng đồng người Hmông không dễ dàng thực hiện những hiểu biết của mình theo cách nhận thức mới hiện nay.

Trong mỗi gia đình Hmông, nam giới là trụ cột chính, là chỗ dựa cho cả gia đình, đồng bào rất coi trọng vai trò của dòng họ và huyết thống tính theo phụ hệ. Đàn ông có thể lấy nhiều vợ và phải có được con trai để nối dõi tông đường. Phụ nữ ít được học hành và giao tiếp xã hội. Người phụ nữ chỉ biết đi làm nương và chăm sóc gia đình theo cách truyền thống. Mọi vấn đề giao tiếp trong cộng đồng và ngoài xã hội đều do người chồng quyết định. Theo phong tục của người Hmông, phụ nữ không được phép giao tiếp với người đàn ông khác ngoài chồng và những người trong gia đình. Vì vậy, phụ nữ Hmông thường rất dè dặt, e ngại không muốn người lạ nói chuyện với mình. Đặc biệt trong việc khám chữa bệnh cho chị em trong độ tuổi sinh đẻ, mặc dù đã được vận động rất nhiều nhưng số chị em tham gia khám chữa bệnh và thực hiện các biện pháp kế hoạch hoá gia đình rất hạn chế. Không chỉ vậy, phong tục người Hmông còn quy định người chết không được mang theo bất cứ vật gì trong người ngoài quần áo, vải vóc, do vậy việc vận động phụ nữ Hmông đi đặt vòng là không phù hợp, nên tỷ lệ đặt vòng ở phụ nữ Hmông thường thấp.

Người Hmông quan niệm con người có hồn và vía. Hồn gắn chặt với sinh mệnh và sức khoẻ của con người. Vía thường bị thất lạc, nhất là đối với trẻ em và phụ nữ khi sinh đẻ nên hay bị ốm đau, bệnh tật. Do vậy, mỗi khi trong gia đình có chuyện gì xảy ra đều phải mời thầy và làm lễ cúng. Trong mỗi bản Hmông thường có từ một đến nhiều thầy cúng (*chí nênh*). Trong một năm người Hmông có rất nhiều lễ cúng nhưng thông thường là cúng chữa bệnh. Theo quan niệm của người Hmông, thầy cúng là người liên lạc được với đáng siêu nhiên và chỉ có đáng siêu nhiên đó mới có

thể làm cho con người khoẻ mạnh được. Người Hmông quan niệm có nhiều loại ma: ma nhà, ma buồng, ma vườn, ma rừng, ma nguồn nước, ... Các hoạt động của con người diễn ra theo những quy tắc nhất định, nếu phạm vào các điều kiêng kỵ làm các ma phật lòng thì phải cúng lễ để gọi ma về phù hộ.

Trong cộng đồng Hmông, người có vai trò khá quan trọng là thầy thuốc (*cư xua*). Sau khi cúng ma thấy bệnh không chuyển mới tìm đến các thầy thuốc trong bản. Các thầy thuốc Hmông lấy thuốc và chữa bệnh theo kinh nghiệm gia truyền. Mỗi bản có từ một đến nhiều thầy thuốc. Những người được phép chữa bệnh khi trong nhà có bàn thờ thuốc và có ma thuốc trông coi. Người Hmông có khá nhiều kinh nghiệm trong việc sử dụng các loại dược liệu tự nhiên từ các loài thảo dược, dược liệu trong rừng. Cách chế biến thuốc thường đơn giản là cây thuốc tươi được rửa sạch, đun sôi lấy nước uống; những cây thuốc hiếm, lấy ở xa nhà thì lấy cả cây hoặc bộ phận làm thuốc cất trên gác bếp để dùng dần. Các vị thuốc không được phân biệt rõ ràng mà thường được kết hợp giữa thuốc bổ và thuốc chữa bệnh. Cây thuốc được thầy thuốc nhớ trong đầu và trực tiếp đi lấy về. Một số bài thuốc chữa các bệnh thường gặp đối với trẻ em và phụ nữ được phổ biến khá rộng rãi⁽¹⁾. Các bà mẹ có thể tự đi lấy thuốc và tự chữa bệnh cho mình và những người khác trong gia đình như các bệnh sốt nóng, đau bụng đi ngoài. Điều đáng quan tâm là phụ nữ Hmông rất ưa dùng các loại thuốc dân tộc. Theo các chị những bài thuốc dân tộc dễ sử dụng, rẻ tiền, phù hợp với tâm lý của người Hmông mà vẫn chữa khỏi được bệnh. Nhiều chị không dám đến khám chữa bệnh ở trạm y tế vì xấu hổ nhưng vẫn mong muốn được hạn chế sinh đẻ vì qua truyền thông các chị đã hiểu được cái đói, cái nghèo của việc sinh nhiều con.

Khi sinh đẻ, phong tục người Hmông rất kiêng những người lạ vào nhà vì sợ người đó bắt mát vía của đứa trẻ mới sinh. Sản phụ trong quá trình sinh đẻ không được ra khỏi cửa buồng. Những người khác ngoài chồng và mẹ chồng không được vào trong buồng vì sợ phạm đến ma buồng - người trông coi trẻ em và phụ nữ trong gia đình. Do vậy, cho đến nay, tỷ lệ sinh tại nhà ở người Hmông là một trong những dân tộc có tỷ lệ cao nhất ở miền núi phía Bắc.

Chế độ ăn uống cũng được kết hợp với chăm sóc sức khoẻ và chữa bệnh. Phụ nữ khi sinh đẻ, trẻ em đặc biệt trẻ sơ sinh và người bệnh thường được ăn uống theo chế độ ưu tiên: thịt gà hoặc những thức ăn ngon, bổ dưỡng nhất trong nhà có thể có được. Người Hmông rất chú trọng đến việc ăn uống. Theo cách giải thích của đồng bào thì việc ăn ngô, ăn cơm gạo là cần thiết vì nó đủ nuôi con người, có sức khoẻ cho sản xuất và chống lại cái rét của mùa đông trên núi cao.

Những phong tục, tập quán trên của người Hmông đã có những tác động nhất định đến công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình. Những ràng buộc, thói quen trong phong tục, tập quán khiến cho người Hmông không dễ dàng chấp nhận những cái mới từ ngoài cộng đồng đưa vào. Việc truyền thông sử dụng các biện pháp kế hoạch hoá gia đình, chúng ta nên vận động nam giới chủ động sử dụng các biện pháp tránh thai, thông qua người chồng trong gia đình truyền thông đến vợ là cách làm nhanh và rất có hiệu quả. Đồng thời với việc vận động nam giới thực hiện kế hoạch hoá gia

⁽¹⁾ Xem thêm: Đặng Thị Hoa, Tri thức địa phương với việc bảo vệ sức khoẻ và KHHGD của người Hmông ở Hoà Bình, Tạp chí Dân tộc học, số 2, 1997, Tr. 64- 68.

đình, vận động phụ nữ tham gia các công tác xã hội, di học văn hoá vì họ là người có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc và dạy dỗ con cái.

2. Dân tộc Dao.

Người Dao cư trú chủ yếu ở vùng cao với kinh tế truyền thống là canh tác nương rẫy. Trước đây do thường xuyên di chuyển cư nên cuộc sống của đồng bào quá khổ cực, tạm bợ. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến nạn hữu sinh vô dưỡng phổ biến trong người Dao. Chính vì vậy, đồng bào Dao thường rất chú trọng đến việc sinh đẻ và chăm sóc trẻ nhỏ. Tri thức y học dân gian của người Dao được phổ biến khá rộng rãi, nhiều bài thuốc được các dân tộc láng giềng ưa dùng.

Tín ngưỡng của người Dao mang đậm nét tín ngưỡng đa thần, vạn vật hữu linh. Trong quan niệm của đồng bào có rất nhiều vị thần tác động đến cuộc sống hàng ngày của họ. Do vậy con người luôn phải thờ cúng và biết làm các phép thuật để cầu hồn, chữa bệnh, xua đuổi ma tà. Người Dao quan niệm có hai loại ma: ma lành và ma ác. Ma lành thường xuyên giúp đỡ, bảo vệ con người, ma ác thường gây ra cho con người những mất mát, đau khổ, bệnh tật ốm đau. Chính vì vậy, người Dao sử dụng phổ biến các phép thuật, bùa, ngải để bảo vệ con người, bảo vệ cuộc sống của họ.

Trong quan niệm về tổ tiên, dòng dõi, người Dao rất chú trọng đến việc thờ cúng. Người thờ cúng phải là người đàn ông đứng đầu trong gia đình. Tuy nhiên không nhất thiết người đó phải là con đẻ mà theo phong tục người Dao, có thể là con nuôi hay con rể.

Đồng bào Dao có phong tục nhận con nuôi. Ở những gia đình hiếm muộn con thường xin con của anh em trong họ, trong bản, thậm chí là con của những tộc người khác về làm con nuôi. Đồng bào rất quý trẻ nhỏ, cho dù là người của dân tộc nào, có nguồn gốc từ đâu đều được chăm sóc, dạy dỗ như con trong nhà. Khi đã được nhận làm con nuôi, đứa trẻ đến tuổi trưởng thành cũng được làm lễ thành niên (lễ cấp sắc), mang tên họ của bố nuôi và được hưởng mọi quyền lợi bình đẳng như các thành viên khác trong gia đình. Nếu trong gia đình không có con trai thì con nuôi được phép và có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên và có quyền thừa kế tài sản của bố mẹ nuôi.

Người Dao kết hôn rất sớm, theo phong tục của một số nhóm Dao, sau khi làm lễ thành niên khoảng 12- 14 tuổi bố mẹ thường lo cưới vợ cho con. Một số nhóm khác thì con trai phải lấy vợ, có con, qua thời gian ở rể mới làm lễ cấp sắc. Cũng tùy theo điều kiện kinh tế của gia đình nếu quá nghèo cũng không có điều kiện làm lễ cấp sắc, người con phải chờ đến khi có đủ điều kiện mới có thể tiến hành làm lễ cấp sắc. Trai gái người Dao có thể tự do tìm hiểu và chọn bạn đời nhưng nhất thiết phải được xem tuổi và phải hợp tuổi, hợp số⁽¹⁾ mới được phép làm lễ cưới. Tục ở rể hiện nay vẫn còn phổ biến ở đồng bào Dao. Người con trai sau khi đã tìm hiểu và muốn lấy người con gái thì đến ở rể cho đến khi làm lễ cưới, thời gian ở rể từ 1 năm đến nhiều năm tùy thuộc vào sự thoả thuận của hai gia đình. Những gia đình không có con trai, rể đầu có thể ở hẳn bên nhà vợ và mang họ vợ (ở rể đời). Con cái sinh ra mang họ mẹ và chàng rể kế tục bố vợ trong việc quản lý gia đình.

Từ những quan niệm và phong tục, tập quán trên, người Dao không phân biệt việc sinh trai hay gái. Hiện nay đời sống của đồng bào đã được ổn định và nâng cao cùng với sự phát triển của toàn xã

⁽¹⁾ Việc lựa chọn kết hôn của người Dao chỉ phụ thuộc vào việc tra tuổi, ngày sinh trong cuốn sổ "ninh sách". Nếu đã hợp tuổi, hợp số thì dù không đồng ý vẫn phải làm lễ cưới theo phong tục truyền thống.

hội. Đó cũng là cơ sở để đồng bào bớt đi tâm lý phải đẻ nhiều, đẻ phòng ngừa. Chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình được đồng bào đón nhận và thực hiện khá tốt.

Đồng bào Dao là một trong những dân tộc có kho tàng phong phú về tri thức y học dân tộc. Thuốc của người Dao khá phong phú nhưng có thể phân thành ba loại chính: thuốc chữa bệnh, thuốc bổ, và thuốc độc. Thuốc bổ thường được dùng cho phụ nữ, trẻ em, người già. Thuốc độc thường được sử dụng trong việc săn bắt, đánh cá. Một số thảo dược có độc cũng được sử dụng để chữa bệnh. Đồng bào rất có kinh nghiệm trong việc sử dụng các loại cây thuốc và có thể dùng theo những mục đích khác nhau. Các thầy thuốc thường được mời đến xem bệnh và cho thuốc mà không đòi hỏi thù lao chữa bệnh. Người bệnh khi được chữa khỏi thường mang con gà, bát gạo, chai rượu đến cảm ơn ma nhà của thầy thuốc. Trong chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ và trẻ em, đồng bào Dao có những bài thuốc như bài thuốc dùng để tắm có tới hơn 30 loại lá cây, bài thuốc bổ dùng cho phụ nữ khi sinh đẻ, bài thuốc bổ dùng cho trẻ em kém ăn, hay ốm yếu,... Đồng bào có khá nhiều những bài thuốc trong việc chữa bệnh vô sinh hay hạn chế sinh đẻ. Tuy nhiên, theo quan niệm của đồng bào thì thuốc chữa vô sinh là thuốc tốt, còn cho thuốc để hạn chế sinh đẻ là xấu, các thầy thuốc không muốn cho nhiều người sử dụng vì cho rằng đây là việc làm thất đức, có tội sợ sẽ bị trừng phạt.

Hiện nay đồng bào Dao thực hiện khá tốt công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình. Nhiều biện pháp tránh thai đã được sử dụng như đặt vòng, uống thuốc tránh thai, bao cao su, triệt sản,... Không ít chị em Dao đã chủ động trong việc sử dụng các biện pháp tránh thai nhưng do tác dụng phụ của việc sử dụng một số biện pháp đã gây ra tâm lý không yên tâm, không muốn sử dụng. Nhiều chị đã tìm đến với các bài thuốc dân tộc vì cho rằng những bài thuốc này dù sao cũng gần gũi hơn, tiện sử dụng mà không phải đi đến bệnh viện, chi phí ít tốn kém.

3. Dân tộc Khơ mú

Tín ngưỡng của người Khơ mú mang đậm tín ngưỡng tô tem giáo. Mỗi dòng họ Khơ mú đều có vật thiêng được coi là vật tổ của dòng họ như một gốc cây, một hòn đá, một con chim,... Đồng bào cũng có khá nhiều những tín ngưỡng xung quanh vật thiêng của dòng họ.

Hiện nay, trong sinh hoạt đồng bào Khơ mú chịu ảnh hưởng khá mạnh của các dân tộc láng giềng. Những thông tin được truyền đến các thôn bản Khơ mú thường là ngôn ngữ của các dân tộc khác như Thái, Kinh,... Không những vậy mà phong tục tập quán của người Khơ mú hiện nay cũng chịu ảnh hưởng khá nhiều của dân tộc khác như của người Thái,.. Đồng bào Khơ mú quan niệm rằng con người do một đấng tối cao tạo ra và mọi bộ phận cơ thể đều có linh hồn, do vậy việc cúng là cần thiết nhất là các lễ cúng chữa bệnh, lễ cúng cho phụ nữ và trẻ em. Hiện nay đồng bào đã thực hiện nếp sống văn hoá mới, ít tin vào các thầy cúng và các thuật phép ma tà. Tuy nhiên thói quen cúng ma vẫn còn phổ biến trong đời sống hàng ngày của đồng bào. Đồng bào Khơ mú ở xã Nghĩa Sơn, Văn Chấn, Yên Bái cho rằng trong mọi trường hợp, phụ nữ đẻ khó, trẻ em đau ốm, ... là do ma ám hại, do vậy phải cúng mới có thể qua khỏi được. Tất cả những chị em đi thực hiện các biện pháp kế hoạch hoá gia đình hay đi khám phụ khoa ở bệnh viện khi trở về nhà phải làm một lễ cúng ma, buộc chỉ vào cổ tay làm dấu hiệu như vậy mới yên tâm con ma ấy không ám hại nữa. Niềm tin này tuy đã được giải thích khá nhiều nhưng đồng bào đều có chung một câu trả lời: “phong tục, tập

quán nó thế, nếu không làm thì không được". Điều này xuất phát từ quan niệm hồn vía của đồng bào Khơ mú đã ăn sâu vào tâm linh và trở thành thói quen trong đời sống sinh hoạt của đồng bào.

Cũng giống như nhiều dân tộc khác, đồng bào Khơ mú rất kiêng việc mổ xẻ cơ thể con người. Cho dù bệnh có nặng nhưng nếu phải đi mổ ở bệnh viện thì tuy phải chấp nhận nhưng phải tổ chức khá nhiều lễ cúng để cầu mong cho người bệnh được lực lượng siêu nhiên giúp đỡ, trở về với cộng đồng. Đối với trẻ em cũng vậy, những đứa trẻ sinh ra hay bị ốm đau, kém ăn, kém ngủ đều được cúng. Lễ vật cúng cho trẻ thường là con vịt còn sống và một chai rượu vì theo đồng bào vị thần bảo hộ cho trẻ em rất thích thịt vịt.

Đồng bào Khơ mú không phân biệt việc sinh con trai hay con gái. Theo phong tục, con trai phải đi ở rể cho đến khi bố vợ đồng ý cho ra ở riêng. Con gái đi lấy chồng vẫn có thể mang theo tín ngưỡng của mình. Đồng bào Khơ mú rất coi trọng việc chung thuỷ một vợ một chồng. Điều này được tất cả các thành viên trong cộng đồng tuân thủ một cách nghiêm ngặt. Những quy tắc trong gia đình như con cái phải vâng lời bố mẹ, chăm sóc bố mẹ khi về già và bố mẹ phải có trách nhiệm, nghĩa vụ đối với con cái cho đến khi trưởng thành. Không những vậy, trong cộng đồng Khơ mú tất cả các thành viên đều có tinh thần đoàn kết và tương trợ lẫn nhau đã tạo ra một sức sống bền vững cho bản sắc văn hoá tộc người của đồng bào.

Đồng bào Khơ mú cũng thường sử dụng các loại cây thuốc trong tự nhiên để chữa bệnh. Tuy nhiên số thầy thuốc là người Khơ mú rất ít mà đồng bào thường đi xin thuốc từ các thầy thuốc dân tộc khác như người Hmông, người Thái, người Dao.

4. Dân tộc Sán Chay

Dân tộc Sán Chay bao gồm dân tộc Sán Chỉ và Cao Lan thường cư trú ở các thung lũng thấp và có khá nhiều kinh nghiệm canh tác lúa nước. Đồng bào Sán Chay chủ yếu thờ cúng tổ tiên, các lễ cúng liên quan đến sức khoẻ, chữa bệnh thường ít vì đồng bào cho rằng ốm đau phải dùng thuốc chữa mới có thể khỏi được. Tuy nhiên cùng với việc chữa bệnh bằng thuốc đồng bào vẫn tổ chức những lễ cúng với quan niệm *thuốc tra, ma cầu*. Đối với người Cao Lan ở xóm Trại Khách, xã Kim Phú, huyện Tuyên Quang và người Cao Lan ở xã Phú Nhuận, Đèo Gia, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang, trong gia đình nhỏ phụ quyền nam giới có toàn quyền quyết định mọi công việc, người phụ nữ chịu nhiều bất công, thiệt thòi của lễ giáo phong kiến, sau khi lấy chồng thì hoàn toàn phụ thuộc vào phép sinh hoạt của nhà chồng. Đồng bào rất coi trọng vị trí của ông mối (*ông thầu*). Ông mối không chỉ xe duyên cho các cặp nam nữ mà còn là người trọng tài phân xử, người cầm cân nảy mực trong sinh hoạt thường ngày. Do vậy ông mối luôn có vị trí quan trọng trong gia đình và trong cộng đồng. Khi trong nhà có việc lớn, ông mối thường được ngồi ở trên, khi trong nhà có cháu bé mới chào đời, ông mối là người đầu tiên cho quà và bón cơm vào miệng làm phép cho cháu bé. Cặp vợ chồng phải xem ông mối như bố mẹ đẻ và phải có nghĩa vụ chăm sóc, tang ma, giỗ tết như bố mẹ của mình.

Đối với dân tộc Sán Chỉ ở xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang, vai trò của ông mối cũng khá quan trọng. Theo phong tục của người Sán Chỉ, sau khi hai gia đình đã có những thoả thuận bước đầu, nhà gái đã đồng ý và thách cưới, nhà trai nhờ ông mối đến đặt gánh và xin cưới. Khi vợ chồng trẻ có chuyện bất hoà, ông mối thường đứng ra phân xử và dàn hoà. Do vậy, chuyện ly hôn ở

dân tộc Sán Chỉ là rất hạn hữu vì muốn có ly hôn, ông mới cũng là người phải đứng ra đưa người con gái trả lại cho cha mẹ đẻ. Người Sán Chỉ quan niệm người phụ nữ mang thai như cầm bông hoa cần phải nâng niu, gìn giữ. Khi người phụ nữ có mang đứa con đầu lòng, nhà trai phải sắm lễ sang nhà gái báo cất khẩu. Khi đứa trẻ mới ra đời phải làm lễ trình báo với tổ tiên là gia đình đã có thêm hoa và nhập khẩu của hai mẹ con vào dòng họ. Thông thường người Sán Chỉ thường tổ chức lễ nhập khẩu khi người mẹ còn đang mang thai, chọn ngày trực mãn là ngày tốt trước khi đẻ. Khi đẻ chỉ làm lễ báo với tổ tiên là đã có con trai hay con gái. Sau ba ngày làm lễ đặt tên, đối với con đầu lòng thì phải mời ông hoặc bà ngoại sang đặt tên cho cháu bé. Lễ cúng mụ phải được tổ chức vào giữa đêm không cho người ngoài biết, không được có tiếng động ồn ào để giữ vía cho cháu bé. Lễ vật cúng thường phải là đồ nguội như cơm nguội, thịt gà nguội,... Trong gia đình có người mới đẻ thường cấm cành cỏ gianh ở bên trái của chính vào nhà nếu là con gái, cấm bên phải cửa chính nếu sinh con trai.

Y học dân tộc của người Sán Chay khá phát triển. Đồng bào sử dụng các bài thuốc dân gian khá phong phú và có nhiều kinh nghiệm trong việc kết hợp sử dụng các vị thuốc và khai thác được nhiều công dụng chữa bệnh của các cây cỏ trong tự nhiên. Phụ nữ Sán Chay có nhiều kinh nghiệm trong chăm sóc sản phụ và trẻ em. Phần lớn chị em có thể tự đi lấy thuốc và chữa một số bệnh thông thường cho bản thân và chăm sóc gia đình. Công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình ở người Sán Chay có nhiều thuận lợi vì số đông chị em đã tự nguyện tham gia sử dụng các biện pháp tránh thai. Tuy nhiên, do tác dụng phụ của một số biện pháp nên nhiều chị em đã chủ động tìm đến sử dụng các bài thuốc dân tộc. Theo các chị, sử dụng thuốc dân tộc các chị rất yên tâm và thấy cũng rất có kết quả.

* * *

*

Đến năm 2000, công tác dân số - KHHGD nước ta đã hoàn thành về cơ bản và bước đầu chuyển sang ổn định và nâng cao chất lượng dân số. Tuy nhiên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa mặc dù chúng ta đã đạt được những kết quả khả quan nhưng tỷ lệ tăng dân số vẫn còn ở mức cao, số con của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ còn nhiều. Đặc biệt là các hiện tượng đẻ sớm, đẻ nhiều đã ảnh hưởng lớn đến việc chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ và trẻ em. Nhiều phong tục, tập quán tộc người đã là bước cản, ràng buộc người dân địa phương tiếp cận với những tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại. Tuy nhiên, những phong tục, tập quán đã ăn sâu, trở thành những thói quen, nếp nghĩ của đồng bào các dân tộc trong cuộc sống hàng ngày, việc thay đổi không phải dễ dàng và không chỉ trong một thời gian ngắn. Nhiều tri thức địa phương tốt đẹp đã trở thành cách làm phù hợp, có hiệu quả đối với một số dân tộc vùng cao, vùng sâu Trong cuộc vận động thực hiện nếp sống mới, chúng ta cần khơi trong, gạt đục để góp phần thực hiện thành công các chính sách phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc, miền núi.